

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 62/2019/HSST
Ngày 07 tháng 8 năm 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG**

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Nguyễn Hoàng Cường - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 65/2019/HSST ngày 22 tháng 7 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị Ph-** sinh năm: 1973 (tên gọi khác: không)

Nơi ĐKKH và cư trú: Tổ dân phố HL, thị trấn HS, huyện LTh, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Quang Tr, sinh năm: 1947 (đã chết) và bà: Đồng Thị Th, sinh năm: 1953. Có 03 chị em, bị cáo là thứ nhất.

Chồng thứ nhất: Nguyễn Đức M, sinh năm 1968 (đã chết)

Chồng thứ hai: Vũ Đức H, sinh năm: 1976 (đã chết)

Con: có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm: 2004.

+Tiền án :

-Bản án số 01/2019/HSST ngày 04/01/2019 của TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 02/6/2019, chấp hành xong án phí ngày 03/6/2019.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2019 đến ngày xét xử, có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** ông Trần Văn D, sinh năm: 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ChM, xã HS, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ ngày 03/7/2019 tại Đền cô Bé ChM, thuộc thôn ChM, xã HS, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang do ông Trần Văn D, sinh năm 1958 làm chủ, công an xã H S cùng gia đình ông D đã bắt quả tang Lê Thị Ph, sinh năm 1973 cư trú ở Tổ dân phố HL, thị trấn HS, huyện LTh, tỉnh Vĩnh Phúc có hành vi trộm cắp

số tiền 2.478.000 đồng trên các ban thờ trong đền, đã thu giữ các vật chứng là số tiền 2.478.000 đồng cùng một chiếc ví màu xám đã cũ, 01 túi xách màu đen; 01 điện thoại di động Hphone màu đen có gắn sim Viettel; 01 giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù; 01 chứng minh nhân dân tên Lê Thị Ph và 320.000 đồng trong ví. Ph khai nhận chiều ngày 3/7/2019 đã bắt xe khách từ bến xe Giáp Bát - Hà Nội đến đền Cô Bé ChM để làm lễ đầu tháng, trước khi đi có mua lễ. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày Ph đến khu vực Cầu Lường thì xuống xe và đi xe ôm vào đền. Đến nơi Ph đã vào làm lễ, thấy các ban thờ có để các loại tiền lễ mệnh giá 50.000 đồng; 100.000 đồng; 200.000 đồng và nhiều mệnh giá khác nhau nên Ph đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền ở các ban thờ. Quan sát thấy không có người trông nom nên Ph đã lấy tiền trên các ban rồi cất số tiền lấy được vào túi vải màu đen mang theo. Ngay sau khi cất giấu tiền vào túi thì Ph bị bảo vệ đền bắt quả tang.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 02/KSĐT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố bị cáo Lê Thị Ph về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 điều 173, Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung xử phạt bị cáo tù từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/7/2019; Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét. Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách màu đen; Trả lại cho bị cáo các tài sản gồm: 01 chiếc ví màu xám đã cũ, 01 điện thoại di động Hphone màu đen có gắn sim Viettel; 01 chứng minh nhân dân tên Lê Thị Ph và 320.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị xem xét về án phí hình sự đối với bị cáo và quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người liên quan.

Bị cáo Ph tại phiên tòa khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo không bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Thẩm phán xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bị hại ông Trần Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2]. Về hành vi: Bị cáo Lê Thị Ph tại phiên tòa đã thừa nhận về hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và được chứng minh bằng đơn trình báo, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng cũng như phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang được lập hồi 20 giờ 30 phút ngày 03/7/2019, phù hợp với thời gian và địa điểm xảy ra tội phạm, vật chứng thu giữ được. Có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 20 giờ ngày 03/7/2019, khi Lê Thị Ph đi lễ tại đền cô Bé Ch M thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn D, sinh năm 1958, thấy các ban thờ trong đền có đặt nhiều tiền và không thấy có người quản lý, trông nom, Ph đã nảy sinh ý định trộm cắp và đã trực tiếp đi đến nhiều ban thờ lấy tiền đặt trên đó. Sau khi lấy được tiền, bị cáo đã cất tiền vào túi thì bị bắt quả tang, số tiền bị cáo trộm cắp là 2.478.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Văn D, xâm phạm trật tự an ninh xã hội, với tài sản bị cáo trộm cắp như trên, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố bị cáo theo điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HSST ngày 04/01/2019 của TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt Lê Thị Ph 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo mới chấp hành xong hình phạt ngày 02/6/2019, chấp hành xong án phí ngày 03/6/2019, ngày 03/7/2019 thực hiện hành vi phạm tội mới, nên lần phạm tội này là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

Từ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, Tòa án xem xét một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, xét cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với mục đích tư lợi, ngoài hình phạt chính lẽ ra áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự, tuy nhiên bị cáo hiện không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên xét miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được trả lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về vật chứng thu giữ: Tại thời điểm bắt quả tang, công an đã thu giữ của Ph các tài sản gồm 01 chiếc ví màu xám đã cũ, 01 túi xách màu đen; 01 điện thoại di động Iphone màu đen có gắn sim Viettel; 01 chứng minh nhân dân tên Lê Thị Ph và 320.000 đồng. Xét thấy, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã xác định chiếc túi xách màu đen bị cáo đã sử dụng để cất dấu số tiền trộm cắp nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 giấy chứng nhận chấp hành hình phạt tù đã được lưu trong hồ sơ để xem xét nên không trả lại cho bị cáo. Các tài sản còn lại là tài sản

của bị cáo không liên quan đến hành vi trộm cắp nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 173; Điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 38, điều 46, 47 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung; Khoản 2 điều 106; 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Ph phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ph 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/7/2019.

***Vật chứng:**

Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách màu đen.

Trả lại cho bị cáo Lê Thị Ph các tài sản gồm 01 chiếc ví màu xám đã cũ; 01 điện thoại di động Hphone màu đen có gắn sim Viettel; 01 chứng minh nhân dân tên Lê Thị Ph và số tiền 320.000 đồng nhưng tạm giữ tiền để đảm bảo thi hành án.

Án phí: Bị cáo Lê Thị Ph phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhân:

VKSND huyện Lạng Giang;

TAND Tỉnh Bắc Giang;

THADS huyện Lạng Giang;

- Bị cáo; bị hại;

- Lưu.

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng